

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ  
Số: 30/2005/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2005

## THÔNG TƯ

***Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2005/NĐ-CP***

***ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định***

***chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi)***

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi),*

*Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:*

### PHẦN I

#### GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi) (sau đây gọi là Nghị định số 11/2005/NĐ-CP) các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Chứng thư đánh giá công nghệ* là văn bản kết luận của Tổ chức đánh giá công nghệ xác định trình độ, giá trị và tác động của công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.
- 2. Chứng thư giám định công nghệ* là văn bản kết luận của Tổ chức giám định công nghệ về mức độ phù hợp của công nghệ trong thực tế so với các nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ, công nghệ trong Dự án đầu tư.
- 3. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ hoặc có quyền chuyển giao quyền sử dụng công nghệ* là tổ chức, cá nhân đã đầu tư để tạo ra công nghệ

hoặc có công nghệ và thực hiện chuyển giao công nghệ mà không vi phạm quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam về Quyền sở hữu công nghiệp đối với công nghệ.

4. *Giá của công nghệ được chuyển giao* là tổng số tiền Bên nhận phải trả cho Bên giao (và Bên thứ ba do Bên giao chỉ định để thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ) trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận giữa Bên giao và Bên nhận, phù hợp với tính chất, nội dung, quy mô áp dụng công nghệ và hiệu quả kinh tế do công nghệ được chuyển giao mang lại (không bao gồm các chi phí thanh toán cho việc đi lại, ăn ở, sinh hoạt của nhân viên Bên nhận khi được đào tạo, không bao gồm chi phí mua máy móc, thiết bị).

5. *Cấp phép đặc quyền kinh doanh* còn gọi là Nhượng quyền thương mại trong Luật Thương mại (franchise). Chuyển giao công nghệ trong Nhượng quyền thương mại thực hiện theo Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02/02/2005 và Thông tư này.

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

#### **I. ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. Các bí quyết về công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, phương án công nghệ, quy trình công nghệ, các tài liệu thiết kế (có chứa đựng các giải pháp kỹ thuật, bí quyết), phần mềm máy tính có chứa đựng các giải pháp kỹ thuật (việc chuyển giao phần mềm máy tính không kèm theo nội dung công nghệ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về Quyền tác giả), cấp phép đặc quyền kinh doanh.

2. Công nghệ là đối tượng Sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ thì việc chuyển giao công nghệ phải thực hiện cùng với việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các đối tượng Sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ.

#### **II. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Phương thức chuyển giao công nghệ bao gồm:

1. Chuyển giao các tài liệu kỹ thuật có chứa đựng các giải pháp kỹ thuật, bí quyết, thiết kế, công thức, quy trình công nghệ. Trong Hợp đồng phải ghi cụ thể tên, nội

dung các loại tài liệu sẽ được chuyển giao.

2. Thực hiện việc đào tạo nhằm giúp cho Bên nhận nắm vững và làm chủ công nghệ trong một thời hạn xác định. Trong chương trình đào tạo quy định cụ thể về số lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật, các ngành nghề, nội dung được đào tạo, thời hạn và nơi đào tạo, kết quả đào tạo.

Trong trường hợp Hợp đồng có nội dung đào tạo thì Hợp đồng phải quy định khi kết thúc chương trình đào tạo Bên giao phải cấp chứng chỉ cho người được đào tạo. Hợp đồng có thể quy định chi phí cho từng khoản mục đào tạo như: học phí, chi phí ăn ở, đi lại cho học viên và giảng viên và các chi phí liên quan khác.

3. Thực hiện hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật bằng cách Bên giao cử chuyên gia giúp Bên nhận đưa công nghệ vào sản xuất với chất lượng công nghệ và chất lượng sản phẩm đạt các chỉ tiêu và tiến độ xác định trong Hợp đồng, giải quyết các khó khăn trong quá trình áp dụng công nghệ được chuyển giao vào sản xuất.

Việc hỗ trợ kỹ thuật phải được quy định chi tiết trong Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng trong đó quy định nội dung, chi phí cho từng khoản mục hỗ trợ kỹ thuật như số lượng chuyên gia, thời gian làm việc, lương, phụ cấp của chuyên gia, các chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác.

Trong khi thực hiện dịch vụ hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật, Bên giao không trực tiếp quản lý công nghệ hay trực tiếp quản lý kinh doanh thay Bên nhận. Việc tư vấn quản lý kinh doanh thuần túy không thuộc phạm vi của chuyển giao công nghệ.

### **III. KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Các Bên tham gia Hợp đồng chuyển giao công nghệ cần xác định kết quả của việc chuyển giao công nghệ; kết quả này được xác định bằng các chỉ tiêu chất lượng của công nghệ và chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đã được quy định trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

### **IV. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ là Hợp đồng chuyển giao các đối tượng quy định tại Mục I, Phần II Thông tư này. Các Hợp đồng chuyển giao các đối tượng nêu

tại Mục 1, Phần II mang các tên khác như Hợp đồng li xăng công nghệ và trợ giúp kỹ thuật, Hợp đồng li xăng bí quyết kỹ thuật, Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật cũng được hiểu là Hợp đồng chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

Các Hợp đồng mang tên Hợp đồng li xăng công nghệ, Hợp đồng li xăng bí quyết kỹ thuật (li xăng có nghĩa là giấy phép) bao hàm nội dung cho phép Bên nhận sử dụng công nghệ với những điều kiện nhất định như sử dụng công nghệ trong một thời hạn nhất định hoặc trong một giới hạn nhất định.

2. Tuỳ theo thoả thuận giữa các Bên về nội dung chuyển giao công nghệ mà trong Hợp đồng có thể bao gồm toàn bộ hoặc chỉ một phần nội dung đã quy định tại Mục I, Phần II Thông tư này.

3. Các dạng Hợp đồng đặc thù:

a) Trường hợp mua bán thiết bị có kèm theo chuyển giao công nghệ thì nội dung chuyển giao công nghệ và chi phí chuyển giao công nghệ cần lập thành một phần riêng của Hợp đồng mua bán thiết bị.

b) Việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài được hai Bên thoả thuận miễn phí nhưng có ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ thì các Bên cũng phải lập thành văn bản Hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 11/2005/NĐ-CP.

4. Phương thức thanh toán cho chuyển giao công nghệ.

Các Bên tham gia Hợp đồng có thể thoả thuận thanh toán cho chuyển giao công nghệ theo các phương thức sau:

a) Trả theo hình thức góp vốn bằng công nghệ.

Nếu Bên giao và Bên nhận công nghệ thoả thuận góp vốn bằng giá trị của công nghệ thì hai Bên phải lập Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong đó toàn bộ giá trị của công nghệ của Bên giao được tính thành một số tiền nhất định trong tổng vốn của Bên nhận. Sau khi Bên giao đã thực hiện đầy đủ nội dung chuyển giao công nghệ quy định trong Hợp đồng thì hai Bên phải lập Biên bản nghiệm thu để xác nhận Bên giao hoàn thành chuyển giao công nghệ và hoàn thành việc góp vốn bằng công nghệ.

b) Trả kỳ vụ theo phần trăm (%) Giá bán tịnh.G

Đối với các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện do Bên thứ ba sản xuất tại Việt Nam theo công nghệ của Bên giao (thông qua Bên nhận) mà Bên giao không nhận phí chuyển giao công nghệ của Bên thứ ba thì Bên giao và Bên nhận có thể thoả thuận không trừ chi phí mua các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện này khi tính Giá bán tịnh.

c) Trả kỳ vụ bằng một khoản tiền cho một đơn vị sản phẩm (có áp dụng công nghệ được chuyển giao) được Bên nhận sản xuất và bán.

d) Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần.

đ) Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của Bên nhận.

e) Trả gộp một lần hay nhiều lần.

Theo phương thức này hai Bên xác định thanh toán bằng một khoản tiền hoặc một lượng hàng hoá nhất định, được chia ra để trả gộp một lần hay một số lần vào các thời điểm kết thúc từng giai đoạn của quá trình chuyển giao công nghệ trong thời hạn Hợp đồng. Ví dụ, sau ngày Hợp đồng có hiệu lực, ngày nhận được các tài liệu kỹ thuật, ngày hoàn thành chạy thử, ngày nghiệm thu, ngày bắt đầu sản xuất thương mại, ngày bán lô sản phẩm đầu tiên.

g) Thoả thuận nhiều phương thức thanh toán khác nhau.

Hai Bên có thể thoả thuận nhiều phương thức thanh toán khác nhau cho công nghệ được chuyển giao. Trong trường hợp này, giá trị thanh toán trong Đơn đề nghị xác nhận đăng ký Hợp đồng cần được tính toán quy về tỷ lệ phần trăm Giá bán tịnh (đối với chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm có sử dụng các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện, từ các nhà cung cấp khác) hoặc quy về tỷ lệ phần trăm Doanh thu thuần (đối với chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm còn lại) và dự kiến tổng giá trị thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ trong suốt thời hạn Hợp đồng.

5. Các cam kết về bảo đảm và bảo hành.

Trong Hợp đồng cần có các cam kết sau:

a) Cam kết của Bên giao: